

hoạch Nhà nước. Đối với vùng bị mất mùa, Nhà nước sẽ tùy tình hình cụ thể từng nơi để có biện pháp giúp đỡ đẩy mạnh sản xuất, vận động điều hòa tương trợ trong nội bộ nông dân, đồng thời bảo đảm cung cấp lương thực với mức độ cần thiết để nông dân có lương thực đẩy mạnh sản xuất.

5. Lương thực là vấn đề sống còn của nhân dân. Việc thu mua và cung cấp lương thực chủ yếu do Nhà nước phụ trách. Việc điều hòa thừa, thiếu trong nội bộ nông dân đã thực hiện một phần lớn trong phạm vi từng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Nhưng để giải đáp yêu cầu trao đổi trong nhân dân ở nông thôn, sau khi đã làm tròn nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước, các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và nông dân nói chung được tự do trao đổi thóc và ngô trong hợp tác xã hoặc ở chợ địa phương gần nhất, với mức độ nhất định theo quy định của Nhà nước. Đối với khoai, sắn, việc lưu thông được tự do không hạn chế phạm vi và số lượng. Các Ủy ban hành chính và cơ quan lương thực cần hướng dẫn việc điều hòa trao đổi khoai, sắn một cách có tổ chức giữa các hợp tác xã và các tỉnh. Để đảm bảo đời sống của nhân dân cần phải tăng cường quản lý thị trường lương thực, bài trừ nạn đầu cơ tích trữ lương thực.

Vấn đề lương thực có một vị trí rất cơ bản, rất to lớn trong đời sống của nhân dân, trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Hội đồng Chính phủ nhắc Ủy ban hành chính các cấp, các ngành hết sức coi trọng việc lãnh đạo sản xuất và tiêu dùng lương thực, phát huy đầy đủ chức năng của Nhà nước trong việc quản lý, phân phối lương thực. Trong công tác phải nắm vững chính sách lương thực của Đảng và Chính phủ, quán triệt tinh thần khuyến khích sản xuất, quan tâm đúng mức đến cả đời sống của nhân dân và yêu cầu của Nhà nước đi đúng đường lối quần chúng, bản bực dân chủ, hướng dẫn cụ thể, giúp đỡ thiết thực các hợp tác xã làm tròn nghĩa vụ, tránh mọi hiện tượng quan liêu, mệnh lệnh, phê phán mọi nhận thức và hành động phiến diện, cục bộ, chỉ thấy lợi ích trước mắt không thấy lợi ích lâu dài.

Hội đồng Chính phủ kêu gọi toàn thể cán bộ, xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và nông dân nói chung ra sức đẩy mạnh sản xuất đưa sản lượng lúa và hoa màu lương thực lên cao, để nâng cao đời sống của mình và làm tròn nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước. Trước mắt, cần chuẩn bị thu hoạch lúa và hoa màu vụ chiêm cho nhanh, gọn, tốt, đồng thời tích cực sản xuất vụ thu, và chuẩn bị làm vụ mùa.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, nhân dân ta vốn có truyền thống cần cù lao động, nay lại làm ăn tập thể, nhất định sẽ khắc phục mọi khó khăn, ra sức sản xuất lương thực dồi dào làm cơ sở cho việc phát triển nông nghiệp toàn diện, cho việc phát triển công nghiệp và cải thiện đời sống nhân dân.

Hội đồng Chính phủ tin tưởng rằng cán bộ các cấp, các ngành và toàn dân ta kiên quyết phấn đấu thực hiện chính sách lương thực của Đảng và Chính phủ có kết quả tốt.

Ngày 12 tháng 5 năm 1961

## Các văn bản đã ban hành

### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

#### QUYẾT ĐỊNH số 51-CP ngày 25-4-1961 về việc điều chỉnh giá bán buôn một số loại than.

Hội đồng Chính phủ trong cuộc hội nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 7-3-1961 đã nghe Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các Bộ liên quan báo cáo về tình hình giá cả chênh lệch các loại than và việc sử dụng than đồng thời đề nghị điều chỉnh lại giá bán buôn một số loại than.

Hội đồng Chính phủ nhận thấy:

Than là loại nhiên liệu chủ yếu của nước ta, đồng thời là vật tư xuất khẩu quan trọng. Do đó cần hết sức tiết kiệm và sử dụng hợp lý các loại than,

khuyến khích sử dụng than xấu dành than tốt cho các ngành công nghiệp thật cần thiết và tăng thêm vật tư xuất khẩu.

Nhằm mục đích đó, Hội đồng Chính phủ quyết định điều chỉnh giá bán buôn một số loại than theo đề nghị của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước như đã ghi trong bản kèm theo, và nêu nguyên tắc thi hành như sau:

1. Giá điều chỉnh này thi hành từ ngày 1-1-1961 trong nội bộ các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước và công tư hợp doanh. Đối với các xí nghiệp hợp tác và hợp tác xã thủ công nghiệp và các cơ sở sản xuất tư nhân, giá mới sẽ thi hành kể từ ngày công bố quyết định này. Bộ Nội thương căn cứ vào giá mới điều chỉnh mà định lại giá bán cho thích hợp, về khoản chênh lệch giữa giá mua của xí nghiệp than và giá bán cho các hợp tác xã và nhân dân từ ngày 1-1-1961 đến nay, Bộ Nội thương sẽ tính trừ vào mức lợi nhuận nộp Nhà nước 1961.

2. Việc điều chỉnh giá than nhằm tiết kiệm các loại than tốt, nên các Bộ chủ quản xí nghiệp phải

lãnh đạo các xí nghiệp chuyển hướng việc sử dụng than từ than củi sang dùng than cám, phải giúp đỡ xí nghiệp cải tiến các lò hơi, nếu cần thì tăng thêm thiết bị để sử dụng được các loại than xấu mà không ảnh hưởng tới sản xuất và mức thu của xí nghiệp.

Giá điều chỉnh này đã có tính toán trên tinh thần không tăng giá các thành phẩm bán ra để phục vụ các ngành công, nông nghiệp, xây dựng cơ bản và bán cho nhân dân. Trường hợp có ngành sản xuất nào không thể dùng than xấu thay thế hoặc khi chuyển sang dùng than xấu mà giá thành sản phẩm của xí nghiệp tăng lên bị lỗ, thì Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ chủ quản xét kỹ để nếu cần thì bù lỗ cho xí nghiệp, không được vì lý do giá than thay đổi mà nâng giá bán thành phẩm cho nhân dân và hợp tác xã.

3. Đi đôi với biện pháp giá cả, cần quy định cụ thể về chế độ sử dụng than. Hội đồng Chính phủ giao trách nhiệm cho Bộ Công nghiệp nặng phối hợp với Ủy ban Khoa học Nhà nước và các Bộ có liên quan nghiên cứu xây dựng chế độ đó trình Chính phủ quyết định và ban hành sớm.

Hà nội, ngày 24 tháng 4 năm 1961

K.T Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THÀNH NGHỊ

### BẢNG GIÁ THAN ĐIỀU CHỈNH

Kèm theo quyết định số: 51-CP ngày 25-4-1961

Tên các loại than	Giá xí nghiệp đang giao cho các ngành	Giá điều chỉnh
1. Criblé, Gailletin, braisette	37đ.10	55đ.00
2. Noix, noisette	34,70	50,00
3. Cám A	20,80	23,00
4. Cám trung bình Hòn gai, Cẩm phá	17,90	20,00
5. Than củi Mạo Khê	34,90	50,00
6. Than củi Quan Triều	14,00	16,00
7. Than cám Quan Triều	10,00	11,50

Còn các loại than khác kể cả than nhập giữ giá giao nhận hiện nay.

### LIÊN BỘ

#### TÀI CHÍNH — NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC — TỔNG CỤC LƯƠNG THỰC

**THÔNG TƯ số 03-TT/LB ngày 5-5-1961**  
quy định việc thanh toán tiền bán thóc và hiện vật khác của Tài chính thu và thuế nông nghiệp và giao cho ngành Lương thực.

Trong mấy năm qua, việc thanh toán tiền bán thóc và hiện vật khác của thuế nông nghiệp giữa ngành Lương thực và Tài chính Nhà nước tiến hành như sau:

— Trong 6 tháng đầu năm, ngành Lương thực phải thanh toán xong cho ngân sách toàn bộ số thóc và hiện vật khác của thuế nông nghiệp do Tài chính đã giao cho Lương thực trong vụ đông năm trước, trong 6 tháng cuối năm phải thanh toán xong toàn bộ số thóc và hiện vật khác đã giao trong vụ hạ năm đó.

— Mỗi tháng Lương thực chỉ thanh toán cho ngân sách Nhà nước khoảng 1/6 tổng số tiền phải thanh toán về mỗi vụ thu thuế nông nghiệp.

Biện pháp thanh toán trên đây có nhược điểm là:

1. Làm cho ngân sách Nhà nước không sử dụng được kịp thời số thuế đã thu được.

2. Ngành Lương thực tuy đã nhận được vật tư vào kho nhưng chưa phải trả tiền: trong tài vụ của ngành Lương thực, tiền và vật tư không cân đối; Ngành Lương thực thường chiếm dụng vốn của ngân sách, làm ứ đọng vốn của Nhà nước, đồng thời hạn chế quan hệ tín dụng giữa ngành Lương thực với Ngân hàng Nhà nước.

Tình hình trên đây không khuyến khích ngành Lương thực tăng cường hạch toán kinh tế.

Để khắc phục tình trạng không hợp lý nói trên, Liên bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và Tổng cục Lương thực quyết định thay đổi biện pháp thanh toán tiền bán thóc và hiện vật khác của thuế nông nghiệp như sau:

1. Sau mỗi vụ thu thuế nông nghiệp, ngành Lương thực phải thanh toán ngay toàn bộ số thóc và hiện vật khác đã nhận của Tài chính. Thời gian thanh toán, đối với vụ đông, không được kéo dài quá ngày 15 tháng 3 năm sau; thời gian thanh toán đối với vụ hạ không được kéo dài quá ngày 15 tháng 9 năm thu thuế.

2. Trong quá trình thu, cứ 5 hay 10 ngày là tối đa ngành Lương thực nhập kho được bao nhiêu, phải đối chiếu, xác nhận với Tài chính huyện và thanh toán ngay bấy nhiêu cho ngân sách. (Các báo cáo và biên bản thanh toán tiền bán thóc và hiện vật khác của thuế nông nghiệp vẫn lập theo đúng như đã quy định trong thông tư Liên bộ Tài chính — Thương nghiệp số 23-LB/TCTN ngày 27-8-1957 và